TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Phạm Thị Phương Tuyền**

2. Ông **Thái Đình Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Nữ Lệ Chi** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 11/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nghiêm Phú C, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 23, đường 2/9, phường Z, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thi S, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 23, đường 2/9, phường Z, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nghiêm Thị Kim T, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số 21, đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn Q – Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Mã Thanh T, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 21, đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Mã Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 18, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

Ông Lê Nhật T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 41, đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là ông Nghiêm Phú C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thi S trình bày:

Cha mẹ của ông C là ông Nghiêm Phú S (chết năm 1985) và bà Nghiêm Thị T(chết năm 1950) có 03 người con chung, gồm: Nghiêm Phú C, Nghiêm Thị Kim T và Nghiêm Phú H, ngoài ra không còn con riêng hoặc con nuôi nào khác. Khi cha mẹ ông còn sống có thuê căn nhà số 117 Lê Tấn Đức (nay là 21, đường H) phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của Nhà nước (chế độ cũ) để ở từ năm 1940. Căn nhà này gắn liền với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 02, tại phường P. Năm 1950, bà T chết, bốn cha con ông vẫn tiếp tục thuê căn nhà này, thời gian sau ông C đi làm ăn và sau đó lấy vợ ở Vĩnh Long. Năm 1985 ông Sản chết, lúc này bà T đã lấy chồng và ra ở riêng nên vợ chồng ông chuyển về căn nhà trên để ở chung với ông H. Năm 1995, gia đình ông chuyển về quê vợ ở Vĩnh Long sống nên bà T (lúc này đã ly hôn) lại đưa con về sống chung với ông H trong căn nhà trên. Năm 2004, Nhà nước bán hóa giá căn nhà này và ông H là người đứng ra mua nhà và ký hợp đồng. Ngày 29/8/2006, Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho ông H.

Năm 2011, ông H chết không để lại di chúc. Do lúc còn sống, ông H không có vợ con nên không có người thừa kế hàng thứ nhất. Những người thừa kế hàng thứ hai của ông H là ông C và bà T, ngoài ra không còn ai khác. Do giữa ông C và bà T không tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông H để lại, nên ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông H để lại là diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị), thửa đất số 113 tờ bản đồ số 02 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Tại phiên tòa bà Trần Thi S đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nghiêm Phú C chỉ khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế cho ông C 100.000.000 đồng. Còn chia bằng hiện vật cho bà T toàn bộ diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị), thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Về chi phí định giá ông C tự nguyện chịu, án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cố tình cản trở, không chịu mở cửa nhà để Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản được nên theo yêu cầu của

Tòa án, ông đã tự xác định giá trị thửa đất và căn nhà trên trị giá 1.050.000.000 đồng, phía bà T cũng chấp nhận mức giá trên.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nghiêm Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ gia đình, bà thừa nhận đúng như ông C đã khai. Về nguồn gốc thửa số 113, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu là do cha mẹ bà thuê của ông H từ trước năm 1950. Năm 1950 bà T chết thì bốn cha con bà vẫn tiếp tục thuê căn nhà này. Sau năm 1975, gia đình bà không phải trả tiền thuê nhà nhưng vẫn được ở trong căn nhà này. Năm 1985 ông S chết bà T và ông H tiếp tục ở tại căn nhà trên. Năm 1986, thấy hoàn cảnh gia đình ông C khó khăn nên bà kêu ông C đưa vợ con về ở chung với ông H, còn bà thuê căn nhà cạnh bên để ở. Năm 1995 gia đình ông C chuyển về Vĩnh Long để ở nên bà chuyển về lại căn nhà ở chung với ông H từ đó đến nay.

Năm 2004, Nhà nước có chủ trương bán hóa giá căn nhà trên cho gia đình bà nhưng phải đóng tiền thuê nhà từ năm 1991 đến khi hóa giá là 3.411.720 đồng và trả tiền mua căn nhà là 69.963.000 đồng. Toàn bộ số tiền này do bà vay mượn để nộp nên các giấy tờ nộp tiền đều ghi tên bà. Do lúc đó ông H đứng tên chủ hộ trong sổ hộ khẩu nên đã đại diện đứng ra ký hợp đồng mua nhà chứ trên thực tế ông H không bỏ một khoản tiền nào để trả tiền thuê hay mua căn nhà trên. Bản thân ông H là một người nghiện rượu nên thường xuyên say xỉn, không đi làm nên không thể có tiền mua nhà như ông C khai. Ông C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H để lại là thửa đất nêu trên thì bà T không đồng ý.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông C chỉ yêu cầu được phân chia 100.000.000 đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền này, còn phân chia cho bà T bằng hiện vật là toàn bộ diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị), thửa đất số 113 tờ bản đồ số 02 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu thì bà T đồng ý. Nếu sau này ông C mà tiếp tục tranh chấp thì bà T không đồng ý chia.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Đặng văn Q trình bày:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản thừa kế nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Sau phiên tòa này mà ông C tiếp tục yêu cầu phân chia hơn 100.000.000 đồng thì bà T không đồng ý phân chia di sản thừa kế.

Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Thành T trình bày:

Ông Mã Thanh T (con đẻ của bà Thúy) cho rằng không có công sức đóng góp gì nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo biên bản lấy lời khai, người làm chứng Lê Nhật T trình bày:

Năm 2010 (không nhớ rõ ngày, tháng), ông có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất tọa lạc tại số 21, đường H, phường P, thành phố B với ông Nghiêm Phú H với giá khoảng 1.000.000.000 đồng (không nhớ chính xác vì không còn giữ hợp đồng). Ông đã đặt cọc trước cho ông H 200.000.000 đồng và hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng công chứng nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên. Sau đó, gia đình bà T có gửi đơn yêu cầu ngăn chặn việc chuyển nhượng nhà đất trên vì đang có tranh chấp. Do việc chuyển nhượng nhà đất trên gặp nhiều rắc rối nên ông đã chấp nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng và nhận lại tiền đặt cọc là 180.000.000 đồng, sau khi đã trừ 20.000.000 đồng tiền chi phí môi giới. Như vậy, ông không còn liên quan gì đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thanh T chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ sở khẳng định diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 02 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu là tài sản của ông Nghiêm Phú H. Xác định ông Nghiêm Phú H chết ngày 28/10/2011 không để lại di chúc, không có hàng thừa kế thứ nhất nên hàng thừa kế thứ hai của ông H chỉ có ông Nghiêm Phú C, bà Nghiêm Thị Kim T. Tại phiên tòa bà Trần Thi Sg đại diện cho ông Nghiêm Phú C và bà Nghiêm Thị Kim T đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế nên cần ghi nhận. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng:

- Đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế, bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Bà Rịa, đối tượng tranh chấp là diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 02 tọa lạc phường P, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mã Thanh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Mã Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; người làm

chứng ông Lê Nhật T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà T và ông T.

+ Về nội dung:

[1] Về người thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Tờ khai gia đình (bl 07), giấy cam kết của ông Lê Văn O và bà H (bl 12, 13), sơ yếu lý lịch của ông C (bl 103), giấy chứng tử của ông H (bl 23), Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ông Nghiêm Phú H chết vào ngày 28/10/2011, không để lại di chúc; khi còn sống, ông H không có vợ, con; cha mẹ của ông H là ông Nghiêm Phú S, bà Nghiêm Thị Tr đều đã chết trước ông H. Tại thời điểm mở thừa kế không có hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai của ông H chỉ có ông Nghiêm Phú C và bà Nghiêm Thị Kim T. Như vậy, xác định người được hưởng di sản thừa kế của ông H là ông Nghiêm Phú C và bà Nghiêm Thị Kim T.

[2] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

2.1 Căn cứ vào lời khai của các bên, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận nguồn gốc thửa số 113, tờ bản đồ số 02 tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh bà Rịa -Vũng Tàu là do cha mẹ của ông C, bà T thuê của Nhà nước để ở từ năm 1940. Sau khi cha mẹ chết, các anh chị em vẫn tiếp tục thuê cho đến khi Nhà nước bán hóa giá căn nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nghiêm Phú H đứng tên. Theo sổ mục kê và sổ địa chính của UBND phường P (bl 65-68) thì ông H là người đăng ký sử dụng thửa đất tranh chấp. Tại phiên tòa bà Nghiêm Thị Kim T cho rằng không muốn vụ án kéo dài nên đồng ý thửa đất đang tranh chấp là tài sản của ông Ngiêm Phú H chết để lại chưa phân chia và đồng ý giao cho ông C số tiền 100.000.000 đồng, còn bà được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 90,3m^2 thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 02 tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2.2 Như vậy, căn cứ vào việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sự thừa nhận của ông C, bà T, Hội đồng xét xử có đủ cở sở khẳng định: Diện tích đất 90,3m^2 (đất ở đô thị) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 02 tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu là tài sản của ông Nghiêm Phú H và là di sản thừa kế chưa phân chia.

[3] Về việc đo vẽ, định giá tài sản tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà T cố tình cản trở việc đo vẽ, định giá tài sản tranh chấp nên không thể tiến hành đo vẽ và định giá được. Căn cứ vào Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 2, Điều 16, Điều 17 của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014, Tòa án đã đề nghị nguyên đơn tự xác định giá trị tài sản tranh chấp dựa trên giá tham khảo thị trường và giá Nhà nước quy định, theo đó ông C đã tự xác định diện tích đất 90,3m^2 (đất ở đô thị) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu có giá trị là 1.050.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo mức giá này cho bị đơn bà T biết nhưng bà T không có ý kiến gì về giá mà nguyên đơn đưa ra. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn không ai yêu cầu định giá tài sản lại và đồng ý với giá này nên Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản tranh chấp là 1.050.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa bà Trần Thi S đại diện cho nguyên đơn ông Nghiêm Phú C và bị đơn bà Nghiêm Thị Kim T thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế như sau: Bà Nghiêm Thị Kim T được phân chia toàn bộ tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 90,3m^2 (đất ở đô thị) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 02 tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, nhưng bà T có nghĩa vụ trích 100.000.000 đồng từ tài sản này cho ông Nghiêm Phú C. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mã Thanh T (là con của bà T) cho rằng mình không có công sức đóng góp đối với tài sản tranh chấp này, ông T không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thanh T (là con của bà T) do không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của bà Thủy.

[6] Về chi phí định giá**:** Chi phí hết số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), ông Nghiêm Phú C tự nguyện chịu số tiền này và đã nộp đủ.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Nghiêm Phú C, bị đơn bà Nghiêm Thị Kim T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị tài sản được phân chia. Tuy nhiên ông C, bà T có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Căn cứ theo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu thì xác định ông Nghiệm Phú Csinh ngày 28/11/1942; bà Nghiêm Thị Kim T, sinh năm 1944. Hiện nay ông C, bà T đã hơn 60 tuổi. Căn cứ vào Luật người cao tuổi thì ông C, bà T thuộc trường hợp người cao tuổi. Đối chiếu vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí thì người cao tuổi không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Do vậy ông Nghiêm Phú C, bà Nghiêm Thị Kim T được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 612, 613, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 12 của Pháp lệnh số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghiêm Phú C về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với bà Nghiêm Thị Kim T.

1. Xác định ông Nghiêm Phú H chết vào ngày 28/10/2011 không để lại di chúc.

2. Xác định không có hàng thừa kế thứ nhất nên hàng thừa kế thứ hai của ông Nghiêm Phú H chỉ có ông Nghiêm Phú C và bà Nghiêm Thị Kim T.

3. Di sản thừa kế của ông Nghiêm Phú H để lại chưa phân chia là: Diện tích đất 90,3 m^2 (đất ở đô thị), thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nghiêm Phú C (đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thi S) với bà Nghiêm Thị Kim T về việc phân chia di sản thừa kế như sau:

+ Bà Nghiêm Thị Kim T được phân chia toàn bộ diện tích đất 90,3m^2 (đất ở đô thị), thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 101388 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 29/8/2006. Giá trị tài sản được xác định là 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng. Bà Nghiêm Thị Kim T có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Bà Nghiêm Thị Kim T có nghĩa vụ trích 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ tài sản thừa kế giao cho ông Nghiêm Phú Cường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về chi phí định giá tài sản: Chi phi hết số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền này ông Nghiêm Phú C tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

5. Về án phí:

+ Nguyên đơn ông Nghiêm Phú C được miễn nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nghiêm Phú C số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu tiền số 020968 ngày 19/6/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

+ Bị đơn bà Nghiêm Thị Kim T được miễn nộp 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Ria-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Cường